

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/5/2024		●	
Tuần 2/5-3/5/2024		●	
Tháng 05/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index chặt vật tại ngưỡng 1,215 trong phiên sáng nay trước khi bị đẩy xuống ngưỡng hỗ trợ 1,205. Tuy nhiên, lực cầu bắt đáy tại đây đã đưa chỉ số trở lại đóng cửa tại mốc 1,216.36 điểm, tăng gần 7 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin, Ô tô và phụ tùng dẫn đầu đà tăng. Ngược lại, ngành Dịch vụ tài chính là ngành duy nhất giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hiện tại, đà hồi phục của VN-Index vẫn mong manh khi thanh khoản đang ở mức rất thấp và chỉ số đang đứng trước ngưỡng kháng cự 1,220 – nơi đã từng bị bán tháo rất mạnh, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 02/05/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+6.84** điểm, đóng cửa tại **1216.36** điểm. HNX-Index **+0.67** điểm, đóng cửa tại **227.49** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+1.31)**, **VCB (+0.96)**, **SAB (+0.71)**, **BCM (+0.41)**, **VHM (+0.37)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.58)**, **VPB (-0.48)**, **STB (-0.27)**, **LPB (-0.24)**, **FUEVFNVD (-0.22)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12,505** tỷ đồng, giảm **-10.46%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,351 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.08 điểm. Thị trường có **268** mã tăng, 75 mã tham chiếu, **194** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-911.61** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **BWE (-514.38 tỷ)**, **FUESSVFL (-129.59 tỷ)**, **SSI (-102.77 tỷ)**, **CTG (-65.19 tỷ)**, **DIG (-61.03 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-18.68** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.04%**. Các mã diễn biến tích cực: **POW (+5.21%)**, **IDC (4.98+%)**, **DCM (+4.40%)**.
- BSC50 **+0.76%**. Các mã diễn biến tích cực: **QTP (+5.14%)**, **REE (+4.22%)**, **NKG (+3.65%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.37%	0.89%	0.57%	0.54%
1 tuần	0.00%	0.00%	0.38%	0.55%
1 tháng	1.86%	0.98%	1.00%	1.90%
3 tháng	2.86%	-1.62%	0.59%	1.12%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,216.36	227.49	89.70
% 1D	0.57%	0.30%	1.06%
GTGD (tỷ VND)	12,505	974	548
%1D	-10.46%	-19.59%	30.30%
GDNN (tỷ VND)	-911.61	-18.68	-20.93

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	240.51	BWE	-514.38
BID	54.64	FUESSVFL	-129.59
VNM	44.97	SSI	-102.77
SAB	34.76	CTG	-65.19
VHM	24.79	DIG	-61.03

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,018	-0.34%	0.16%
FTSE100	8,144	0.28%	1.49%
Eurostoxx	4,893	-0.93%	12.77%
Shanghai	3,105	-0.26%	1.00%
Nikkei	38,211	-0.10%	-0.52%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	83.96	0.43%
Giá vàng	2,326	1.14%

Tỷ giá

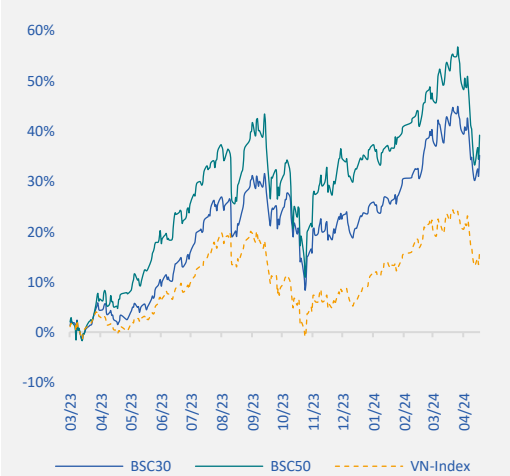
USD/VND	25,454	-0.02%
EUR/VND	27,934	-0.05%
JPY/VND	167	0.60%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.9%	0.00%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



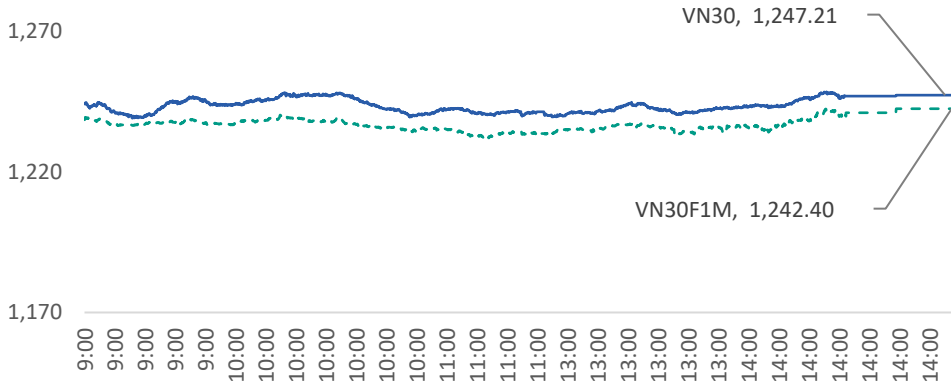
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1246.5	0.83%	107	-49.77%	9/19/2024	140
VN30F2412	1249.7	0.78%	23	-20.69%	12/19/2024	231
VN30F2405	1242.4	0.81%	210606	-35.45%	5/16/2024	14
VN30F2406	1242.9	0.67%	482	-50.46%	6/20/2024	49

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +6.71 điểm, đóng cửa tại 1247.21 điểm. Biên độ dao động 9.39 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MWG, SHB, MSN, TCB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được đà tăng ngay từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2405,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CPOW2306	6/26/2024	55	52,600	45.40%	16.00	70	0.0%	0.00	16.14	11.10	11.10
CVHM2311	8/5/2024	95	8,500	49.33%	60.50	190	0.0%	0.01	61.45	41.15	41.15
CVNM2306	6/26/2024	55	67,800	13.71%	71.71	280	0.0%	0.06	74.36	65.40	65.40
CVHM2317	10/7/2024	158	944,300	34.20%	52.35	360	0.0%	0.09	55.23	41.15	41.15
CVRE2308	6/26/2024	55	5,100	44.32%	31.33	300	0.0%	0.00	32.83	22.75	22.75
CNVL2305	6/26/2024	55	1,800	36.18%	17.00	840	0.0%	0.06	20.36	14.95	14.95
CVRE2318	7/5/2024	64	600	39.07%	31.00	160	0.0%	0.01	31.64	22.75	22.75
CVPB2317	7/5/2024	64	100,000	27.50%	22.88	120	0.0%	0.02	23.33	18.30	18.30
CVIC2312	7/5/2024	64	9,100	21.50%	52.35	160	0.0%	0.03	53.95	44.40	44.40
CVNM2310	8/9/2024	99	27,700	23.77%	78.40	260	0.0%	0.04	80.95	65.40	65.40
CVNM2315	1/6/2025	249	19,000	41.70%	87.11	1,420	0.0%	0.17	92.67	65.40	65.40
CVHM2302	5/24/2024	22	2,477,600	22.28%	50.00	80	0.0%	0.00	50.32	41.15	41.15
CPOW2309	5/17/2024	15	273,800	30.81%	14.50	10	0.0%	0.00	14.52	11.10	11.10
CVNM2314	10/7/2024	158	485,900	35.23%	85.15	420	0.0%	0.04	88.44	65.40	65.40
CVHM2316	7/5/2024	64	252,500	26.84%	51.23	120	0.0%	0.02	52.19	41.15	41.15
CMSN2307	6/26/2024	55	58,700	24.56%	83.00	170	0.0%	0.04	84.70	68.00	68.00
CMSN2311	8/5/2024	95	35,800	34.03%	88.50	330	0.0%	0.07	91.14	68.00	68.00
CSTB2316	6/26/2024	55	55,000	33.09%	36.33	80	0.0%	0.02	36.73	27.60	27.60
CVHM2307	6/26/2024	55	90,400	53.06%	62.67	40	0.0%	0.00	62.99	41.15	41.15
CVRE2313	8/5/2024	95	1,300	33.89%	29.50	240	0.0%	0.05	30.46	22.75	22.75

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

#N/A

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top tăng điểm VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	127.30	3.33%	4.31
MWG	55.60	1.28%	0.78
SHB	11.70	2.18%	0.71
MSN	68.00	1.19%	0.55
TCB	46.85	0.54%	0.54

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giảm điểm VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	18.30	-1.35%	-1.11
STB	27.60	-2.13%	-1.04
SSI	34.70	-1.42%	-0.49
CTG	32.35	-1.37%	-0.34
TPB	17.65	-1.40%	-0.31

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	123.20	3.33%	1.31	6.89
VCB	91.20	0.77%	0.96	1.23
SAB	54.40	4.04%	0.71	1.66
BCM	52.40	3.05%	0.41	0.49
VHM	40.80	0.86%	0.37	4.57

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	56.20	4.98%	3.80	3.13
DTK	11.00	2.73%	0.82	0.01
PVI	48.70	1.44%	0.65	0.01
PTI	32.10	5.30%	0.56	0.00
NVB	8.90	2.25%	0.45	0.07

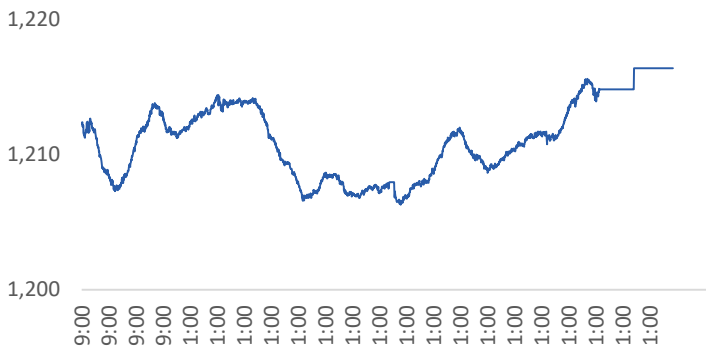
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HID	3.16	6.96%	0.00	1.09
ABR	13.00	6.92%	0.00	0.02
DXV	6.36	6.92%	0.00	0.04
AGG	21.70	6.91%	0.05	2.11
BTP	13.95	6.81%	0.01	0.13

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PHN	52.10	9.98%	0.16	0.00
HGM	49.90	9.82%	0.25	0.01
STP	9.20	9.78%	0.03	0.00
HKT	4.10	9.76%	0.01	0.01
BST	13.50	9.63%	0.01	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	32.80	-1.37%	-0.58	6.46
VPB	18.55	-1.35%	-0.48	12.41
STB	28.20	-2.13%	-0.27	10.05
LPB	20.90	-1.91%	-0.24	2.23
FUEVFN1	30.75	-6.50%	-0.22	0.91

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	39.70	-1.01%	-0.74	3.31
CEO	18.10	-1.10%	-0.40	4.70
BVS	35.40	-3.95%	-0.38	0.68
KSF	40.60	-0.74%	-0.35	0.02
BAB	12.30	-0.81%	-0.35	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SCD	12.55	-6.77%	0.00	0.00
QNP	33.70	-6.53%	-0.02	0.00
FUEVFN1	30.75	-6.50%	-0.22	0.91
TDW	49.85	-5.72%	-0.01	0.00
LBM	44.95	-5.45%	-0.01	0.03

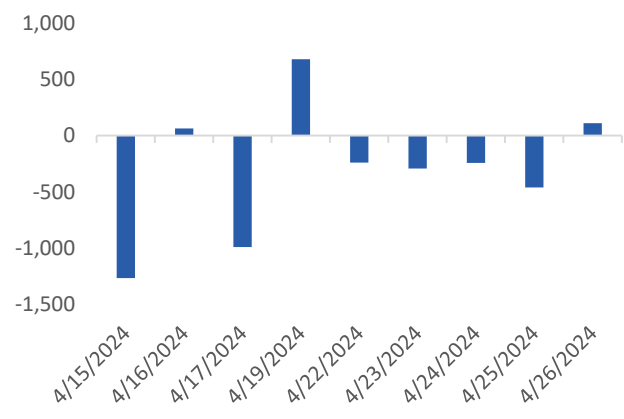
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L61	3.00	-10.00%	-0.01	0.03
SFN	23.50	-9.79%	-0.02	0.00
NBW	28.70	-9.76%	-0.11	0.00
CAG	13.40	-9.70%	-0.06	0.11
DC2	9.30	-9.68%	-0.02	0.00

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	91.9	0.80%	0.6	20,278	3.4	5,910	15.5	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.2	0.00%	1.1	11,072	1.1	3,772	13.0	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.3	-1.30%	1.0	5,732	4.6	1,397	13.1	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	46.8	0.50%	1.1	6,515	8.0	5,600	8.4	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.4	0.70%	1.0	4,676	9.8	3,818	5.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	27.6	-2.10%	1.0	2,054	11.0	4,094	6.7	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	32.4	-1.40%	1.2	6,858	8.1	3,706	8.7	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	27.0	0.60%	0.8	4,140	5.1	4,072	6.6	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	34.7	-1.40%	1.3	2,067	16.7	1,529	22.7	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	59.0	5.00%	1.2	769	7.1	4,223	14.0	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	28.4	-0.20%	1.2	6,508	8.2	1,601	17.7	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	19.8	2.10%	1.6	482	3.1	1,321	15.0	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	41.2	0.90%	1.1	7,074	7.4	7,664	5.4	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	35.0	0.00%	1.3	1,104	2.1	726	48.2	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	39.2	3.60%	1.4	596	4.6	1,257	31.2	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	120.2	1.20%	1.5	1,802	11.2	7,845	15.3	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	32.0	-6.80%	1.4	670	3.8	2,313	13.9	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	73.9	0.50%	0.6	6,701	2.0	5,053	14.6	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	39.3	-1.00%	0.9	742	5.1	2,148	18.3	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	29.6	-0.70%	1.2	648	3.2	1,052	28.1	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.1	5.70%	0.7	1,026	4.0	443	25.0	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	75.9	2.60%	1.2	673	1.6	4,914	15.4	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	84.2	0.00%	0.9	1,032	5.5	7,357	11.4	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	65.4	0.60%	0.6	5,396	6.6	4,408	14.8	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	68.0	1.20%	1.3	4,041	6.1	215	315.8	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	55.6	1.30%	1.5	3,210	48.2	115	484.9	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.1	1.20%	0.9	1,269	4.4	5,860	16.4	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	59.3	0.50%	1.9	391	3.6	2,121	28.0	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	127.3	3.30%	0.9	6,382	17.4	5,335	23.9	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	127.5	2.80%	1.2	576	2.3	4,510	28.3	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.6	0.20%	0.9	2,719	5.7	3,458	6.8	1.6	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.4	1.40%	1.2	2,143	2.7	3,315	6.5	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.6	-1.40%	1.3	1,534	1.2	2,050	8.6	1.1	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	13.6	0.00%	1.2	1,074	1.1	2,310	5.9	0.8	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.8	-1.10%	1.1	1,220	2.1	1,244	14.3	1.4	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	26.4	-2.60%	1.6	732	4.5	1,175	22.4	2.2	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	46.4	-1.40%	1.7	801	7.8	1,409	32.9	2.5	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	20.3	-1.70%	1.6	976	6.3	2,057	9.9	1.4	22.6%	13.1%
BID	Ngân hàng	49.2	0.00%	1.1	11,072	1.1	3,772	13.0	2.4	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	18.2	-0.50%	1.8	584	7.8	1,076	16.9	1.4	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.6	0.90%	1.5	87	0.8	546	21.2	0.9	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	16.9	0.00%	1.5	596	1.2	53	319.6	1.3	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	66.5	0.30%	1.2	262	1.1	1,894	35.1	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.9	2.00%	1.5	210	2.7	782	16.5	0.6	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	9.8	2.10%	1.5	-	0.2	365	26.9	0.9	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	26.8	-3.40%	1.9	646	36.5	195	137.9	2.1	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	17.9	-1.10%	1.3	364	3.3	293	61.1	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	29.0	0.00%	1.6	879	5.5	2,646	11.0	1.1	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	51.9	2.20%	1.4	919	1.4	2,746	18.9	2.4	5.4%	12.5%
SZC	BĐS KCN	41.0	2.00%	1.2	291	2.4	1,514	27.1	2.5	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	83.4	3.00%	1.3	599	1.2	5,098	16.4	3.8	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	58.0	2.70%	1.1	310	0.6	3,448	16.8	2.0	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	30.0	0.00%	1.6	4,738	4.5	656	45.7	2.2	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	22.7	3.70%	1.7	236	3.8	446	50.9	1.1	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	111.4	2.20%	0.9	360	1.0	12,717	8.8	3.4	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	13.7	-0.70%	1.5	204	0.5	1,477	9.3	0.9	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	16.4	1.50%	1.9	467	4.6	239	68.7	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.8	1.30%	1.2	2,041	5.4	1,940	11.7	1.4	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	26.2	-0.80%	1.9	766	4.9	964	27.2	2.0	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	57.9	2.70%	1.6	101	1.1	4,370	13.3	1.7	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.0	0.00%	1.0	121	0.2	3,843	9.9	1.7	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	35.8	0.30%	0.9	1,796	0.6	2,230	16.1	1.6	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	28.0	-0.40%	1.5	89	0.1	1,261	22.2	1.7	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	18.1	0.00%	1.1	-	2.0	2,790	6.5	1.0	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	30.0	2.00%	0.7	141	0.7	2,286	13.1	1.9	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	26.2	1.50%	1.3	322	1.3	450	58.3	1.1	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	27.0	1.30%	1.3	326	1.1	2,327	11.6	1.2	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	21.0	2.70%	1.9	704	8.6	625	33.5	0.8	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	16.3	5.80%	0.6	-	1.0	1,549	10.5	1.4	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	64.2	4.20%	0.9	1,036	6.2	4,706	13.6	1.3	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	29.2	1.70%	1.3	154	0.8	(252)	-115.6	1.4	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	64.6	0.50%	0.8	171	0.6	3,851	16.8	1.6	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	25.6	3.00%	0.8	360	3.4	3,005	8.5	0.9	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	20.2	-1.50%	1.4	212	1.2	927	21.7	0.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	40.6	-1.60%	1.4	169	1.4	3,648	11.1	1.3	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	77.0	0.50%	1.3	370	4.4	3,119	24.7	5.9	9.4%	25.6%
DBC	Bán lẻ	28.4	1.20%	1.7	271	7.9	103	274.4	1.5	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	164.0	1.90%	0.8	882	4.3	(2,548)	-64.4	10.9	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	46.6	1.30%	0.7	-	0.6	6,737	6.9	1.9	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	32.6	3.00%	1.2	503	2.3	1,327	24.5	1.1	10.0%	4.2%
TNG	Dệt may	20.2	0.50%	1.1	90	0.4	1,917	10.5	1.2	18.6%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
6	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
7	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
8	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website	BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh	BSC Trụ sở chính
http://www.bsc.com.vn	Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: +84 8 3821 8885 Fax: +84 8 3821 8510	Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: +84 4 3935 2722 Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639